

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST  
Ngày: 14-01-2022  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Thanh Diện và Ông Nguyễn Duy Phú.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: tháp BIDV, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh H - Giám đốc chi nhánh Bắc Quảng Bình. (Văn bản ủy quyền số: 99/QĐ-BIDV ngày 03/02/2021)

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Việt H - Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro; địa chỉ: 368 Qu, phường B, thị xã Ba, tỉnh Quảng Bình. (Văn bản ủy quyền số: 649/QĐ-BIDV ngày 22/6/2021). Có mặt.

**- Đồng bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Lê Th, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2021, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Đ, bà Nguyễn Việt H trình bày:

Ngày 13/6/2016, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình (*Sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) và vợ, chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ để vay số tiền 9.550.000.000 đồng, nhằm mục đích đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ với thời hạn vay: 11 năm (132 tháng) kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; lãi suất: 7%/năm (*Trong đó lãi suất chủ tàu phải trả 3%/năm, lãi suất được ngân sách Nhà nước cấp bù 4%/năm*); kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần, vào ngày thứ 15, bắt đầu từ tháng 9/2017; năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên bên vay được miễn lãi.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông bà H - Th đã ký các Hợp đồng thế chấp với ngân hàng:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2016/8430324/HĐBĐ ngày 01/4/2016 để thế chấp thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, diện tích: 142,8 m<sup>2</sup>; tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích xây dựng: 100 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền và tài sản khác gắn liền với đất số BE751097, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01268 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th. Tài sản đảm bảo có tổng giá trị 1.025.752.800 đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/2016/8430324/HĐBĐ, được ký kết ngày 13 tháng 6 năm 2016 và văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/2016/8430324/HĐBĐ ngày 13/6/2016 số: 01/2016/8430324/SĐBS, được ký kết ngày 23 tháng 12 năm 2016. Tài sản ông H, bà Th thế chấp cho ngân hàng là 01 tàu cá vỏ gỗ, công suất 822CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB 98218TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Th sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16 tháng 12 năm 2016 mang tên chủ tàu Nguyễn Ngọc H; nơi thường trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình với giá trị tài sản bảo đảm: 13.649.804.000 đồng (*Mười ba tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông H, bà Th với tổng số tiền gốc là 9.550.000.000 đồng (*Chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng*). Tổng số tiền vay được giải ngân chia làm 08 đợt: ngày 13/6/2016 là 1.500.000.000 đồng; ngày 23/6/2016 là 500.000.000 đồng; ngày 07/7/2016 là 2.369.600.000 đồng; ngày 09/8/2016 là 1.500.000.000 đồng; ngày 10/8/2016 là 250.000.000 đồng; ngày 01/9/2016 là 1.150.000.000 đồng; ngày 24/10/2016 là 525.000.000 đồng; ngày 27/12/2016 là 1.755.400.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Hợp đồng, ông H và bà Th đã nhiều lần vi phạm về thời hạn trả nợ gốc và lãi; tính đến ngày trả nợ gốc, lãi cuối cùng vào ngày 06/5/2020, ông H và bà Th chỉ mới trả được cho ngân hàng với tổng số tiền gốc là 898.000.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu đồng*), số tiền lãi là 2.133.020.435 đồng (*Hai tỷ, một trăm ba mươi ba triệu, không trăm mười tám đồng*). Hiện tại, khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn, vì vậy Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và

có văn bản yêu cầu ông H, bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H và bà Th đều thừa nhận các khoản nợ gốc và lãi theo yêu cầu của ngân hàng. Tuy nhiên, ông H và bà Th chỉ trình bày những khó khăn dẫn đến không trả được nợ mà không có bất cứ phương án trả nợ cũng như thời hạn trả nợ cho Ngân hàng. Các khoản vay này hiện đã quá hạn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Tính đến ngày 14/01/2022, ông H và bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền 10.074.514.744 đồng; trong đó: nợ gốc là 8.652.000.000 đồng; nợ lãi là 1.422.514.744 đồng (nợ lãi trong hạn là 1.305.853.971 đồng, lãi chậm trả là 116.660.773 đồng). Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên và phải tiếp tục chịu trả lãi (bao gồm lãi chậm trả) phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà các bên đã tham gia ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông H, bà Th trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông H và bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật mà ông H, bà Th đã thế chấp cho ngân hàng là 01 tàu cá vỏ gỗ, công suất 822CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB 98218TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16 tháng 12 năm 2016 mang tên chủ tàu Nguyễn Ngọc H, nhằm đảm bảo cho các khoản vay để ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp là 01 nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích xây dựng: 100 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền và tài sản khác gắn liền với đất số BE751097, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01268 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th đã được giải quyết tại bản án số 08/2019/TCDS-ST ngày 27/11/2019 của tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn; Theo Quyết định thi hành án số 59/QĐ-CCTHADS ngày 16/10/2020. Tài sản thế chấp này đã được đấu giá thành công ngày 27/10/2021, số tiền bán đấu giá là 831.000.000 đồng. Sau khi thi hành nghĩa vụ theo bản án số 08/2019/TCDS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn và trừ đi các khoản phí, lệ phí liên quan, số tiền còn lại là 214.727.892 đồng. Yêu cầu Tòa án buộc Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn chuyển cho Ngân hàng để thu hồi nợ vay của các Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ đã ký kết.

*\* Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th:* Ông, Bà thừa nhận đã tham gia ký kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp các tài sản để đảm bảo các khoản vay như Ngân hàng đã nêu cũng như tổng số tiền gốc và lãi phát sinh hiện tại đúng như phía Ngân hàng yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng và hiện tại gia đình Ông, Bà gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động đánh bắt do nguồn lợi thủy hải sản ngày càng

khan hiếm, ngư trường đánh bắt bị thu hẹp, tiền công chỉ trả cho người làm công cao, giá thu mua hải sản thấp do ảnh hưởng dịch Covid 19. Mặt khác, trong những năm gần đây nguồn thu nhập chính của gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào nghề đánh bắt nhưng thu nhập hàng tháng không bù lỗ được khoản chi phí bỏ ra nên không có khả năng để trả nợ cho ngân hàng chứ không phải cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ông, Bà đề nghị phía Ngân hàng hết sức thông cảm và tạo mọi điều kiện để Ông, Bà được giãn thời gian trả nợ và tạo điều kiện cho gia đình được tiếp tục sử dụng tàu cá để khai thác tạo thu nhập nhằm trả dần các khoản nợ. Nếu Ngân hàng không đồng ý với phương án đó thì Ông, Bà nhất trí để Ngân hàng thu hồi tàu cá. Số tiền còn lại sau khi bán đấu giá là 214.727.892 đồng, ông H và bà Th đã nhận số tiền này từ Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn; tại phiên tòa, ông H và bà Th đề nghị trả lại cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết, số tiền 114.727.892 đồng, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Ông, Bà được sử dụng vì hiện tại gia đình không có nhà ở, con đang nhỏ, hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông H, bà Th thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Nếu ông H, bà Th không thực hiện thì ngân hàng có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án xử lý tài sản thế chấp là cá số QB 98218TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16 tháng 12 năm 2016 mang tên chủ tàu Nguyễn Ngọc H, để đảm bảo nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết. Yêu cầu ông H và bà Th trả số tiền 214.727.892 đồng đã nhận tại Chi cục thi hành án thị xã Ba Đồn để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 116, 117, 317, 323, 398, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, trên cơ sở kết quả thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th đề yêu cầu trả số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H, bà Th có nơi thường trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

[2] Đối với khoản vay:

Thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển Th sản; Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt danh sách cá nhân của thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn và huyện Bố Trạch đủ điều kiện tham gia vay vốn đóng mới tàu cá khai thác hải sản, tàu dịch vụ khai thác hải sản và nâng cấp tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Năm 2016, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã tiến hành thủ tục giải ngân cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th vay tổng số tiền 9.550.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ. Trong đó có các điều khoản cụ thể: thời hạn vay 11 năm (132 tháng) kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; lãi suất: 7%/năm (*Trong đó lãi suất chủ tàu pH trả 3% /năm, lãi suất được ngân sách Nhà nước cấp bù 4%/ năm*); kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần, vào ngày thứ 15, bắt đầu từ tháng 9/2017; năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên bên vay được miễn lãi.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông bà H - Th đã ký các Hợp đồng thế chấp với ngân hàng:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2016/8430324/HĐBĐ ngày 01/4/2014 để thế chấp thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, diện tích: 142,8 m<sup>2</sup>; tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích xây dựng: 100 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền và tài sản khác gắn liền với đất số BE751097, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01268 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th. Tài sản đảm bảo có tổng giá trị 1.025.752.800 đồng.

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/2016/8430324/HĐBĐ, được ký kết ngày 13 tháng 6 năm 2016 và văn bản sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số số: 01/2016/8430324/HĐBĐ ngày 13/6/2016 số: 01/2016/8430324/SĐBS, được ký kết ngày 23 tháng 12 năm 2016. Tài sản ông H, bà Th thế chấp cho ngân hàng là 01 tàu cá vỏ gỗ, công suất 822CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB

98218TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16 tháng 12 năm 2016 mang tên chủ tàu Nguyễn Ngọc H; nơi thường trú: tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình với giá trị tài sản bảo đảm: 13.649.804.000 đồng (*Mười ba tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

Xét thấy, việc ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân số tiền cho vay để ông H và bà Th đóng mới tàu cá theo chủ trương chung của Chính phủ và địa phương là đúng đối tượng và có thực, được hai bên thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định cụ thể về điều kiện cho vay. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay được thẩm định, định giá và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H và bà Th đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền 898.000.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu đồng*). Đối với số tiền nợ gốc, lãi còn lại theo yêu cầu của ngân hàng thì ông H, bà Th trình bày do hoàn cảnh khó khăn chưa thu xếp được để trả ngay nên đề nghị Ngân hàng giãn thời gian trả nợ để có điều kiện tiếp tục đánh bắt tạo thu nhập và trả nợ dần cho đến khi hết nợ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do ông H và bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các quy định về điều khoản thanh toán mà các bên đã tham gia ký kết nên khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, ngân hàng yêu cầu ông H và bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2022) là 10.074.514.744 đồng (*mười tỷ, không trăm bảy mươi tư triệu, năm trăm mười bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 8.652.000.000 đồng; nợ lãi là 1.422.514.744 đồng (nợ lãi trong hạn là 1.305.853.971 đồng, lãi chậm trả là 116.660.773 đồng) là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức và nội dung của các Hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay giữa các bên đã được công chứng và đăng ký bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật cũng như sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Do đó, trường hợp ông H và bà Th không trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì ngân hàng được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi 01 tàu cá vỏ gỗ, công suất 822CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB 98218TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Th sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16 tháng 12 năm 2016 mang tên chủ tàu Nguyễn Ngọc H; nơi thường trú: tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đối với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, diện tích; 142,8 m<sup>2</sup>; tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích xây dựng: 100 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền và tài sản khác gắn liền với đất số BE751097, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01268 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th. (Hiện trạng diện tích, kích thước các thửa đất và các công trình xây dựng trên các thửa đất số 174 đã được xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 23/8/2021 đúng với giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất). Theo trình bày của Ngân hàng, tài sản thế chấp này đã được bán đấu giá theo quyết tại bản án số 08/2019/TCDS-ST ngày 27/11/2019 của tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn; theo Quyết định thi hành án số 59/QĐ-CCTHADS ngày 16/10/2020 và hiện bên mua đã chuyển số tiền 831.000.000 đồng vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn. Ngân hàng yêu cầu số tiền còn lại sau khi đảm bảo nghĩa vụ bản án số 08/2019/TCDS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn và trừ đi các khoản phí, lệ phí liên quan sẽ chuyển cho ngân hàng để thu hồi nợ vay của các Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ.

Ngày 26/11/2021, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn và xác định được: ngày 27/10/2021, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn đã tổ chức đấu giá xong tài sản, tài sản đã bán cho người mua với giá 831.000.000 đồng. Tuy nhiên tài sản chưa giao được cho người mua nên số tiền đấu giá trên đang được gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quảng Trạch - Bắc Quảng Bình. Ngày 31/12/2021, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn cung cấp cho Tòa án Biên bản về việc giải quyết thi hành án và Phiếu chi ngày 31/12/2021, nội dung là hoàn trả lại số tiền bán đấu giá còn lại cho người phải thi hành án cho ông H, bà Th số tiền 214.727.892 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Tài sản thế chấp là thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, diện tích; 142,8 m<sup>2</sup>; tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích xây dựng 100 m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền và tài sản khác gắn liền với đất số BE751097, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01268 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th đã được bán đấu giá thành công, người mua nhà đã chuyển tiền vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn. Mặc dù, việc Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn trả trả lại số tiền 214.727.892 đồng cho ông H, bà Th (cho người phải thi hành án) là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên ông H và bà Th phải chịu nghĩa vụ Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ, cho nên số tiền 214.727.892 đồng mà ông H và bà Th được nhận cần buộc phải nộp lại cho ngân hàng để đảm bảo theo nghĩa vụ các bên đã cam kết. Xét đề nghị của ngân hàng về yêu cầu số tiền 214.727.892 đồng còn lại sau khi đảm bảo nghĩa vụ của bản án số 08/2019/TCDS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn và trừ đi các khoản phí, lệ phí liên quan sẽ chuyển cho ngân hàng để thu hồi nợ vay của các Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông H và bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

của pháp luật. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th có Đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn với nội dung: Nhà đất đã bị kê biên bán đấu giá, hiện không có nhà ở, không có công việc làm, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí, đơn trình bày được Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Xét thấy, vì biến mất mùa, tình hình dịch bệnh, dẫn đến nhà ở bị kê biên bán đấu giá, hiện không có nơi ở, thuộc trường hợp bất khả kháng, không có khả năng nộp tiền án phí nên ông H và bà Th đủ điều kiện được giảm 50% mức án phí phải nộp.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn về giải quyết vụ án là phù hợp, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 317, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Khoản 1 Điều 13, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm e Điều 1.3, Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.**

- Buộc vợ chồng ông, bà Nguyễn Ngọc H - Nguyễn Thị Lệ Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ với tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2022) là 10.074.514.744 đồng (*mười tỷ, không trăm bảy mươi tư triệu, năm trăm mười bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bốn đồng*); trong đó: nợ gốc là 8.652.000.000 đồng; nợ lãi là 1.422.514.744 đồng (nợ lãi trong hạn là 1.305.853.971 đồng, lãi chậm trả là 116.660.773 đồng)

**2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2022) ông Nguyễn**

Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

### 3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ: 01 tàu cá vỏ gỗ, công suất 822CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB 98218TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Th sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16 tháng 12 năm 2016 mang tên chủ tàu Nguyễn Ngọc H; nơi thường trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th trả cho ngân hàng TMCP Đ số tiền 214.727.892 đồng (Số tiền còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ theo bản án án số 08/2019/TCDS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn và trừ các khoản phí, lệ phí liên quan) để thu hồi nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2016/8430324/HĐTD, số hợp đồng 01/2018/8430324/PLHĐ.

### 4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 117.573.108 đồng (một trăm mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm lẻ tám đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007100 ngày 16/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Lệ Th pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho ngân hàng sau khi được làm tròn số là 118.074.515 đồng [Cách tính là  $112.000.000 + (6.074.514.744 \times 0,1 \%) = 118.074.515$  đồng]. Vì ông H và bà Th đủ điều kiện được giảm 50% số tiền án phí pH nộp. Vì vậy, số tiền án phí sơ thẩm buộc ông H, bà Th pH nộp là  $(118.074.515 \text{ đồng} \times 50\%) = 59.037.257 \text{ đồng}$  (Năm mươi chín triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/01/2022).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án,*

*tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Anh Đức**